

**GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG FASTCA****I. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ** Tổ chức Cá nhân Cá nhân thuộc tổ chức**II. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG****1. Thông tin dành cho Cơ quan/Tổ chức^(*):**Tên giao dịch (viết hoa)⁽ⁱ⁾:

Mã số thuế/Mã ngân sách/Mã số BHXH:

Địa chỉ (theo Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép đầu tư/QĐ thành lập):

Người đại diện pháp luật: Chức vụ:

2. Thông tin dành cho Cá nhân^(*):

Họ và tên:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chức danh Phòng ban:

III. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ

Chúng tôi đồng ý đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FastCA như sau:

1. Đối tượng^(*): Cấp mới Gia hạn Chuyển đổi Cấp lại Thu hồi Tạm dừng Khôi phục2. Thời gian sử dụng^(*): 1 năm 2 năm 3 năm Khác3. Loại thiết bị đầu cuối thuê bao^(*): Token HSM**IV. THÔNG TIN CHỨNG THƯ SỐ (Dành cho khách hàng có yêu cầu cấp lại, thu hồi, tạm dừng, khôi phục)**Serial chứng thư số^(*):**V. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG**

1. Chúng tôi cam kết những thông tin đăng ký trên là đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của những thông tin này.

2. Chúng tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và cam kết thực hiện các điều khoản tại Quy định chung về dịch vụ được công khai trên website của FastCA tại địa chỉ www.fastca.vn/quydinghichvu

Ngày Tháng Năm

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC⁽ⁱⁱ⁾

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KHÁCH HÀNG⁽ⁱⁱⁱ⁾

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(i) Tên giao dịch cần ghi đầy đủ và chính xác theo Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép đầu tư/QĐ thành lập.

(ii) Khách hàng cá nhân thuộc Tổ chức/Doanh nghiệp cần xin ký, đóng dấu xác nhận của Tổ chức/Doanh nghiệp tại mục này.

(iii) Tổ chức/Doanh nghiệp cần ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đầy đủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG FASTCA

Số:.....

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ;
Căn cứ thông tư số 31/2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 10 năm 2020 Bộ Thông tin Truyền thông;
Căn cứ nhu cầu và năng lực của các Bên;

Hôm nay, ngày tháng ... năm....., chúng tôi gồm:

1. Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

2. Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):

(Nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FastCA)

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Sau khi thỏa thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Bên B đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FastCA: Gói dịch vụ

2. Bên B đảm bảo cung cấp chứng thư số cho Bên A với các đặc tính:
 - Đảm bảo tính xác thực trong các giao dịch điện tử.
 - Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu của văn bản đã được ký bởi chữ ký xác thực hợp lệ.
 - Là bằng chứng chống chối bỏ trách nhiệm trên nội dung đã ký.
3. Bên A nhận thực đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
4. Bên A và bên B đều nhận thức được điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số:
 - Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số.
 - Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FastCA cấp.
 - Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Điều 2. Phạm vi, giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật

- Phạm vi, giới hạn sử dụng chứng thư số do Bên B cung cấp: sử dụng trong các hoạt động công cộng, không dùng trong lĩnh vực cung cấp bởi cơ quan chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (Theo quy định của Nghị định 130/2018/NĐ-CP).
- Mức độ bảo mật: Theo quy định của Thông tư 06/20215/BTTTT.

Điều 3. Cước phí dịch vụ

- Cước dịch vụ: ... (Bằng chữ:)
- Thời hạn thanh toán: 01 lần, khi đăng ký sử dụng dịch vụ.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Thành phần hồ sơ cấp chứng thư số của thuê bao

(Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP)

1. Đơn cấp chứng thư số theo mẫu của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
2. Giấy tờ kèm theo:
 - a) Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
 - b) Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Điều 5. Tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao

- Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.
- Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho thuê bao.

Điều 6. Thu hồi chứng thư số của thuê bao

1. Chứng thư số của thuê bao bị thu hồi trong những trường hợp sau
 - Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và được FastCA xác minh là chính xác
 - Khi bên B là cá nhân chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
 - Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ thông tin và Truyền thông.
2. Khi có căn cứ thu hồi chứng thư số, FastCA sẽ thu hồi chứng thư số, đồng thời thông báo cho Bên B và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thu hồi đó.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng đối với thuê bao

1. Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của thuê bao là chính xác;
2. Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của thuê bao là liên tục.
3. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
4. Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho thuê bao theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
5. Tiếp nhận thông tin:
Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ thuê bao liên quan đến việc sử dụng chứng thư số.
6. Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:
 - a) Thông báo ngay cho thuê bao, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của thuê bao đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của thuê bao;
 - b) Khuyến cáo cho thuê bao việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.
7. Khi bị thu hồi giấy phép, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thông báo ngay cho thuê bao về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của thuê bao.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số theo quy định của Nhà cung cấp.
3. Có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
4. Cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
5. Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, thuê bao phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp thuê bao thuê thiết bị tạo cặp khóa của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
6. Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực.
7. Thông báo trong thời gian 24 giờ cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

Điều 9. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp

FastCA duy trì tổng đài hỗ trợ và chăm sóc khách hàng 24/7 để tiếp nhận các yêu cầu hỗ trợ, khiếu nại và giải quyết tranh chấp: 1900.2158

Việc giải quyết các yêu cầu hỗ trợ, khiếu nại và giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy trình của FastCA trong từng thời kỳ.

Hợp đồng được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)